

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS - ST
Ngày 17/01/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Phạm Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST - DS ngày 07 tháng 06 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ K, sinh năm 1960; Có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn:

Ông Lê V A, sinh năm 1975; Có mặt

Bà Nguu T S, sinh năm 1990; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh T H, sinh năm 1963; Có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn T A, sinh năm 1941; Có mặt

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đ K trình bày:

Bà Nguu T S là hàng xóm của vợ chồng ông nên có đến nhà ông hỏi vay tiền. Ngày 20/9/2018, bà S đến vay vợ chồng ông số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), vợ của ông là bà Trịnh T H, sinh năm 1963 là người trực tiếp đưa tiền vay cho bà S, có làm giấy vay tiền, nội dung bà S, ông Lê V A (chồng bà S) có vay của ông số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Bà S có đưa cho vợ chồng ông bản chính một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² để thế chấp vay tiền. Sau khi bà S, ông A ký xác nhận trong giấy vay tiền ngày 20/9/2018 thì vợ ông (bà H) đưa cho bà S số tiền 40.000.000đ. Theo thỏa thuận thì ông cho bà S, ông A vay tiền trong thời hạn 6 tháng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Bà S, ông A chưa trả cho ông được số tiền lãi nào. Số tiền 40.000.000đ mà ông cho bà S, ông A vay là số tiền của vợ chồng ông, nhưng ngày cho bà S, ông A vay tiền thì ông không có ở nhà mà vợ ông (bà H) ở nhà và giao tiền cho bà S, giấy vay tiền là do bà S viết. Sau khi cho bà S vay tiền thì vợ chồng ông mới gặp ông A thì mới biết người đi cùng bà S vay tiền ngày 20/9/2018 không phải là ông A và ông A nói cho vợ chồng ông nghe về việc bà S lấy trộm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A đem đi thế chấp vay tiền. Ông có hỏi bà S (là vợ ông K) thì bà S trình bày ngày 20/9/2018 bà S cùng 1 người mà bà S gọi là chồng cùng đi vay tiền, cùng ký tên, bà S chỉ biết bà S gọi người đó tên A, bà S không biết mặt ông A. Do đó, tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án buộc bà S phải trả lại cho ông số tiền 40.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Còn ông A yêu cầu ông phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK ... được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² thì khi nào bà S trả hết tiền cho ông thì ông sẽ trả lại cho ông A.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguu T S trình bày: Bà có vay của ông Nguyễn Đ K số tiền 40.000.000đ vào ngày 20/9/2018, hai bên có làm giấy vay tiền, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Từ khi vay đến nay bà chưa trả tiền cho ông K như thỏa thuận. Khi vay bà có thế chấp cho ông K một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK, thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² được UBND huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V A ngày 12/7/2007. Bà đồng ý trả tiền nợ và tiền lãi cho ông K và yêu cầu ông K phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn ông Lê V A trình bày: Ông không có vay tiền của ông Nguyễn Đ K. Vợ của ông là bà S có đến vay tiền của ông K số tiền là 40.000.000đ. Khi bà S đi vay tiền của ông K thì ông không đi cùng bà S và cũng không biết bà S đi vay tiền khi nào, vay làm gì. Khi vay tiền về bà S cũng không nói cho ông biết là bà S vay tiền của ông K. Sau này ông mới phát hiện bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số X, tờ bản đồ Y, diện tích 802m² được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông vào năm 2007. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ông gửi mẹ ông là bà Nguyễn T A cất giữ giữ nhưng không biết vì sao mà bà S lấy được và đem đi cầm cho ông K để vay tiền. Sau này, ông được ông K cho biết là vợ ông (bà S) vay tiền của ông K và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cho ông K thì ông mới biết. Chữ ký trong giấy vay tiền ngày 20/9/2018 không phải là của ông.

Nay ông K yêu cầu bà S phải trả cho ông K số tiền 40.000.000đ thì ông không có ý kiến gì. Ông yêu cầu ông K phải trả lại cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK ..., thửa số X, tờ bản đồ Y, diện tích 802m² được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A vào năm 2007, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Habcđ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh T H trình bày: Bà không biết mặt ông Lê V A vì vợ chồng bà mới chuyển đến ở ấp A, xã B. Trước đó, bà Nguu T S có đến hỏi vay tiền vợ chồng bà. Đến ngày 20/9/2018, bà S cùng 01 người đàn ông mà bà S gọi là chồng đến vay tiền của vợ chồng bà số tiền 40.000.000đ, bà S có thể chấp một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK, thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 nên bà cho vay tiền. Bà có làm giấy vay tiền, bà S và người đàn ông đi cùng có ký trong giấy vay tiền ngày 20/9/2018. Sau này, bà gặp ông A thì mới biết là người đi cùng với bà S vay tiền của vợ chồng bà không phải là ông A. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguu T S phải trả cho ông Nguyễn Đ K số tiền 40.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/9/2018.

Người làm chứng bà Nguyễn T A trình bày: Bà là mẹ của ông Lê V A. Ông A có nhờ bà cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK, thửa số X, tờ bản đồ Y, diện tích 802m² được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A vào năm 2007. Bà để Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tủ quần áo ở nhà nhưng bà S lấy đi khi nào thì bà không biết. Khoảng thời gian gần đây bà kiểm tra tủ thì mới phát hiện bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông A có báo lên công an xã nhưng công an xã không tiếp nhận giải quyết mà hướng dẫn hai vợ chồng con bà về tự giải quyết với nhau. Bà có quen biết ông K, bà S thì bà S mới nhắc bà nói ông A, bà S ra gặp ông K, bà H có việc. Bà tìm hiểu mới biết được là bà S có cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K để vay tiền. Từ đó đến nay thì bà S không trả tiền cho ông K nên ông K mới làm đơn kiện. Ngoài ra, bà không biết gì thêm.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ giấy vay tiền ngày 20/9/2018 cho thấy bà S có vay tiền của ông K số tiền 40.000.000đ. Bà S cũng thừa nhận có vay của ông K số tiền trên và đồng ý trả cho ông K số tiền 40.000.000đ nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Từ đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc bị đơn bà S phải trả cho ông K số tiền gốc 40.000.000đ và lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK, thửa số X, tờ bản đồ Y, diện tích 802m² cho ông Lê V A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy việc nguyên đơn ông Nguyễn Đ K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguu T S phải trả tiền đã vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Mặt khác, các bị đơn cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ giấy xác nhận vay tiền đề ngày 20/9/2018, có nội dung thể hiện ông Lê V A và bà Nguu T S có vay của ông Nguyễn Đ K số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 6 tháng. Tuy nhiên, bị đơn vi phạm cam kết trả nợ. Ngày 28/5/2019, nguyên đơn ông K nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ các Điều 429, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự là còn thời hiệu khởi kiện vụ án.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguu T S: Bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do. Đây là lần thứ hai bà S vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà S.

[2] Về yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018, nội dung ông Lê V A và bà Nguu T S có vay của ông Nguyễn Đ K số tiền 40.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019, bị đơn bà S thừa nhận có vay số tiền 40.000.000đ của ông K nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2019, bị đơn ông A không thừa nhận chữ ký trong Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018 là của ông, ông không biết việc bà S có vay tiền của ông K, đồng thời không thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² cho ông K như ông K và bà S trình bày. Nay ông K yêu cầu bà S trả cho ông K số tiền 40.000.000đ thì ông không có ý kiến gì. Ông yêu cầu ông K phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK được UBND huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m². Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2019, nguyên đơn ông K trình bày, Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018 do vợ ông lập, khi giao tiền vay cho bà S thì vợ ông không biết ông A. Sau này, bà S không trả tiền vay cho ông, vợ chồng ông mới biết ông A và xác định ông A không phải là người đi cùng bà S vay tiền. Do đó, việc ông A không vay tiền của ông K vào ngày 20/9/2018 là đúng, vợ chồng nguyên đơn thừa nhận không phải ông A ký tên trong Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018 là tình tiết không phải chứng minh. Ông A và bà S là vợ chồng, tuy nhiên khi vay tiền của ông K, bà S không nói cho ông A biết. Sau khi vay tiền về bà S không nói cho ông A biết, đồng thời không sử dụng số tiền vay vào mục đích chung trong gia đình nên đây không phải là khoản nợ chung của vợ chồng ông A, bà S. Nguyên đơn ông K yêu cầu bà S phải trả số tiền vay 40.000.000đ là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2018, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Nguyên đơn trình bày lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng nhưng kể từ khi vay bà S chưa trả cho ông được khoản tiền lãi nào. Bà S thừa nhận vay tiền của ông K có thỏa thuận lãi nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Do đó, đây là hợp đồng vay có thời hạn, có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa, ông K yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/9/2018 nên HĐXX căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét tính lãi. Từ ngày 20/9/2018 đến ngày 20/3/2019, lãi suất trong hạn là 6 tháng, mức lãi suất là 10%/năm của khoản tiền vay 40.000.000đ: $10\%/12 \times 6 \times 40.000.000đ = 2.000.000đ$. Từ ngày 21/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/01/2020, lãi suất quá hạn là 9 tháng 27 ngày: $(150\% \times 10\%/12 \times 9 \text{ tháng} \times 40.000.000đ) + (150\% \times 10\%/12/30 \times 27 \text{ ngày} \times 40.000.000đ) = 4.950.000đ$. Tổng số tiền lãi bị đơn bà S phải trả cho ông K là 6.950.000đ.

[4] Đối với yêu cầu của ông A yêu cầu ông K phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² là có căn cứ. Ông K không có đăng ký thế chấp hoặc cầm cố cho nên buộc ông K phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK được UBND huyện Phú Giáo cấp cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² cho ông A.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Nguu T S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 185, 186, 227, 228, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470, Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đ K đối với bị đơn ông Lê V A và bà Nguu T S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguu T S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đ K số tiền 46.950.000đ (Bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó, tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), tiền lãi là 6.950.000đ (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Buộc ông Nguyễn Đ K phải có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK được UBND huyện Phú Giáo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê V A ngày 12/7/2007 thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, diện tích 802m² cho ông Lê V A.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguu T S phải có nghĩa vụ nộp số tiền 2.347.500đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Đ K số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026327 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Chang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

